

# DÈ THỊ CUỐI KÝ MÔN CÔNG NGHỆ JAVA

Clear your laws have 60 phat. Khang and dung the life.
The earth khang wife who del this on may led the own khe this.
One for the may kin the earth out not del the wang for the own khe this.
Clear for whom of the whom damp trong male often.

```
Description

Public class Test{
    public Test(){
        System.out.print("1");
        new Test(10);
        System.out.print("5");
    }

    public Test(int temp){
        System.out.print("2");
        new Test(10, 20);
        System.out.print("4");
    }

    public Test(int data, int temp){
        System.out.print("3");
    }

    public static void main(String[] args){
        Test obj = new Test();
}
```

Khi chương trình chạy sẽ in ra:

- A. 15243
- B. 12345

7

- C. 12453
- D. 14532
- 2. Lớp nào được sử dụng để đọc character từ file text:
  - A. FileInputStream
  - B. FileWriter
  - C. FileScanner
  - D. FileReader
- 3. Source code của java có tên mở rộng là:
  - A. .class
  - B. .java
  - C. .com
  - D. .code

```
4. Cho doan ma choong trinh sau:

package packageO1;

public class A {

private int a, b;

// Danh nghia cac ham

// Ham 1.

public A(){);

// Ham 2

private A(int a){);

// Ham 3

protected A(int a, int b){);

// Ham 4

A(A a){);

}
```

Người ta định nghĩa một lớp A với các thuộc tính a và b. Trong các hàm trên, đầu không phải là hàm tạo (constructor) của lớp A.

#### A. Tất cả đều là hàm tạo

- B. Hàm 1 và 2 không phải là hàm tạo của lớp  ${\bf A}$
- C. Hàm 2 và 3 không phải là hàm tạo của lớp  ${\bf A}$
- D. Hàm 3 và 4 không phải là hàm tạo của lớp  ${\bf A}$
- 5. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
public class StringTest {
   public static void main(String[] args){
      String s = new String( Hello );
   }
}
```

Biến s được lưu ở vùng nhớ nào:

- A. Stack
- B. Heap
- C. StringPool
- D. Vùng nhớ ngẫu nhiên

- Mức độ ưu tiên của luồng con khi được tạo ra từ luồng cha:
  - A. Có độ ưu tiên nhỏ hơn
  - B. Co do un tien lon hom
  - C. Có độ ưu tiên bằng với luồng cha
  - D. Java không hỗ trợ đa luông
- 7. Java source code được trình biên dịch java biên dịch thành:

#### A. Bytecode

- B. Executable code
- C. Machine code
- D. Tắt cả đều sai
- 8. Chọn phát biểu đúng về throw và throws:
  - A. throw được sử dụng để ném ra một ngoại lệ còn throws được sử dụng để khai báo một ngoại lệ.
  - B. Sau throw là một hoặc nhiều class, sau throws là một instance.
  - C. Có thể throw nhiều exceptions và không thể khai báo nhiều exceptions với throws.
  - D. throw được sử dụng để ném ra một ngoại lệ còn throws được sử dụng để ném ra nhiều ngoại lệ đồng thời.
- Để khai báo một mảng các số nguyên trong Java, người ta sử câu lệnh nào sau đây:

A. int[100] s;

B. int s[100];

C. int[] s = new int[100];

D. int s = new int[100];

- 0. Để truy cập vào một thuộc tính hoặc một phương thức của lớp cha, người ta có thể sử dụng từ khóa nào sau đây:
  - A. virtual
  - B. abstract
  - C. super
  - D. protected

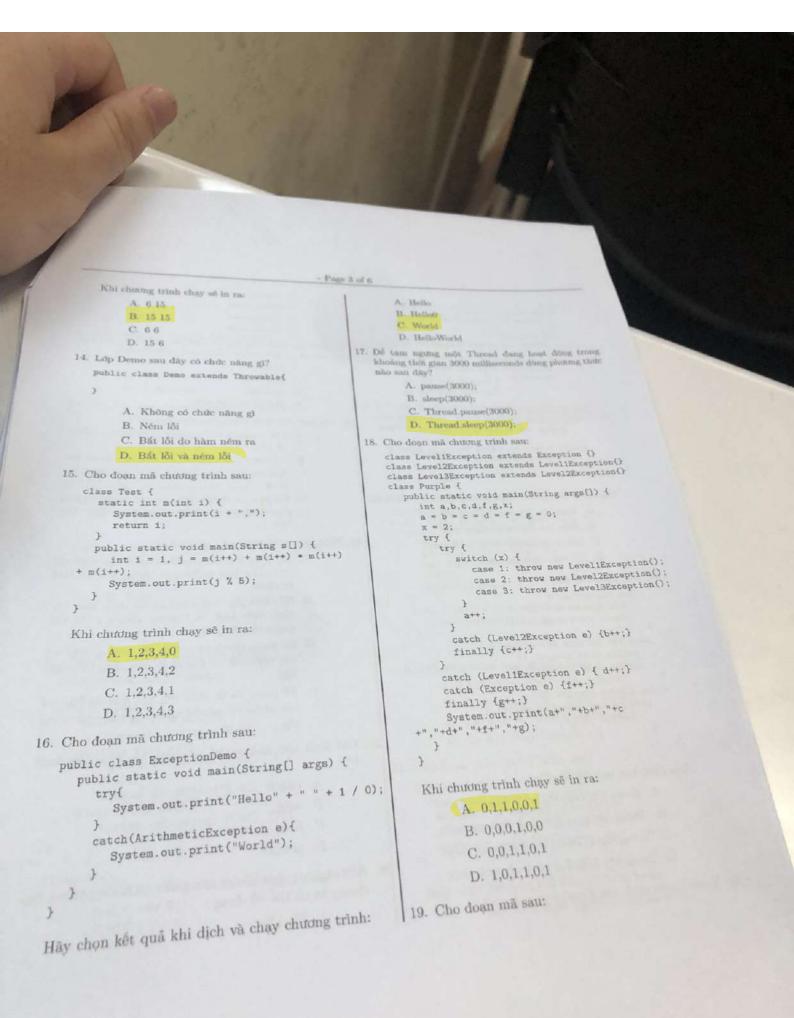
Cho đoạn mã chương trình sau:

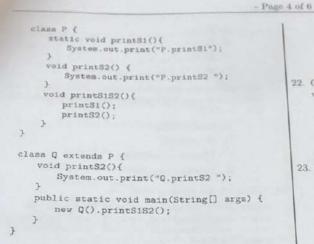
```
package packageO1;
public class A {
   public void test(){
      String s[] = new String(S];
      System.out.print("s[O]="
+s[O].toUpperCase());
   }
   public static void main(String[] args){
      A = new A();
      a.test();
   }
}
```

Khi chương trình chạy sẽ in ra:

- A. Chương trình chạy tốt, kết quả là "s[0]="
- B. Chương trình chạy tốt, kết quả là "s[0]=null"
- C. Chương trình thông báo lỗi dịch tại dòng lệnh System.out.print(...);
- D. Chương trình dịch tốt, chay thông báo lỗi NullPointerException
- 12. Tại sao Java lại có thể "viết một lần chạy ở mọi nơi":
  - A. Vì Java hỗ trợ biên dịch, mã nguồn được dịch thẳng ra mã máy
  - B. Vì Java hỗ trợ các kỹ thuật trong lập trình hướng đối tượng như: Đóng gói, Chồng phương thức, Kết tập, Kế thừa, Đa hình,...
  - C. Vì Java là ngôn ngữ lập trình có cộng đồng phát triển rất lớn, khắp nơi trên thế giới
  - D. Vì Java hỗ trợ cả biên dịch lẫn thông dịch. Cơ chế thông dịch do JVM thực hiện giúp tạo ra mã máy của từng nền tảng khác nhau
  - 13. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
public class ArrayTest {
   public static void main(String[] args) {
     int[] arr = {1, 2, 3};
     int[] arr2 = change(arr);
     System.out.print(arr[0]+arr[1]+arr[2]);
     System.out.print(""+
   (arr2[0]+arr2[1]+arr2[2]));
   }
   public static int[] change(int[] arr) {
     arr[0] = 10;
     return arr;
   }
}
```





Hãy chỉ ra kết quả khi dịch và chạy chương trình trên:

A. Hiển thị: P.printS1 P.printS2

## B. Hiển thị: P.printS1 Q.printS2

- C. Lỗi chạy chương trình (run-time)
- D. Lỗi biên dịch (compile-time)
- 20. Cho đoạn mã sau:

```
class PhuongTien {
    public void di() {}
    public void dungLai(){}
}
class OTo extends PhuongTien {
    public void lenGa() {}
    public void tangToc() {}
}
class OToTai extends OTo {
    private int trongLuongMax() {
        return 1000;
    }
}
```

Lựa chọn nào sau đây là đúng:

- A. Trong lớp OToTai có 1 phương thức
- B. Trong lớp OToTai có 3 phương thức
- C. Trong lớp OToTai có 4 phương thức
- D. Trong lớp OToTai có 5 phương thức
- 21. Layout mặc định của Panel trong Java là:

- A. BorderLayout
- B. GridLayout

### C. FlowLayout

- D. CardLayout
- Gói nào chứa các lớp và interface sử dụng cho việc vào ra dữ liệu từ file trong một chương trình:
  - A. java.io
  - B. java.lang
  - C. java.util
  - D. Tắt cả các gói trên
- Bộ gom rác thực hiện công việc nào sau đây:
  - A. Các package không được sử dụng sẽ tự động bị xóa
  - B. Tự động xóa output của chương trình Java
  - C. Xóa các file Java không dùng tới trên ổ đĩa cứng
  - D. Bộ nhớ bị chiếm bởi các đối tượng không còn được tham chiếm sẽ tự động được thu hồi
- 24. Phát biểu nào đúng về LinkedList?
  - A. Kế thừa lớp AbstractList và triển khai các giao diện List và Deque, không duy trì thứ tự chèn.
  - B. Kế thừa lớp AbstractList và triển khai các giao diện List và Deque, không chứa các phần tử trùng lặp.
  - C. Sử dụng danh sách liên kết kép để hni trữ các phần tử, có thể chứa các phần tử trùng lặp.
  - D. Sử dụng danh sách liên kết đơn để lưu trữ các phần tử, có thể chứa các phần tử trùng lặp.
  - 25. Chỉ định nào không thể sử dụng khi khai báo một lớp:
    - A. public
    - B. void
    - C. final
    - D. private
    - 26. Khi cần lưu một nhóm các phần tử không trùng lặp chúng ta có thể sử dụng :

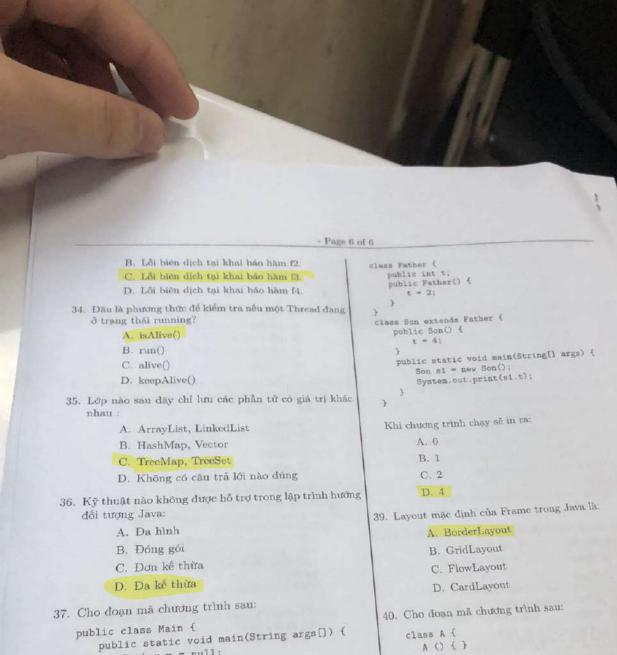
A. HashSet

d.m2(); // 2

```
Hây chọn kết quả khi dịch và chuy chương trình:

    Để truy cập vào một thuộc tính hoặc một phương thức

   của lớp hiện tại, người ta có thể sử dụng từ khóa nào
     public class FrameTest extends Frame {
         public static void main(String args []) {
       Khi chương trình chạy sẽ hiễn thị:
              A. Chỉ button "Red" được hiển thị
              B. Chỉ button "Blue" được hiển thị
              C. Chỉ button "Green" được hiển thị
               D. Cå 3 button đều hiển thị
     33. Cho đoạn mã chương trình sau:
         public abstract class A {
             abstract public void fi();
             abstract protected void f2();
             abstract private void f3();
           Hãy chọn kết quả khi dịch chương trình:
                   A. Lỗi biện dịch tại khai báo hàm f1.
```



String x = null;

Khi chương trình chạy sẽ in ra:

D. Lỗi khi thực thi

38. Cho đoạn mã chương trình sau:

System.out.println(x);

static void change(String y){

change(x);

y = "Java";

A. null

B. Java C. Empty

3

```
A () { }
class B extends A { }
```

Chọn lựa chọn đúng dưới đây:

- A. A có 2 phương thức khởi tạo, một phương thức do JVM cung cấp, một phương thức tự viết
- B. B có 2 phương thức khởi tạo, một phương thức do JVM cung cấp, một phương thức tự viết
  - C. Phương thức khởi tạo của lớp B có tham số
- D. Phương thức khởi tạo của lớp B chứa lời gọi dên super()